

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cấp, các ngành trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cấp, các ngành trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30/5/2018.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND

xã, phường, thị trấn và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành; Đoàn thể tỉnh;
- Báo VP, Đài PT-TH tỉnh, TT Công báo tỉnh, Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lưu: VT, PC1.
(Th- 45b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Vũ Chí Giang

QUY ĐỊNH

Trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cấp, các ngành trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 11/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Khách quan, dân chủ, công khai, minh bạch.

2. Thường xuyên, kịp thời, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.

3. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị theo quy định pháp luật; không được cản trở, gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình phối hợp.

4. Huy động sự tham gia của nhân dân, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức khác.

Điều 3. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến cung cấp thông tin bằng văn bản, thư điện tử theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các hình thức phối hợp khác theo quy định pháp luật.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
2. Đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
3. Đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết.
4. Đánh giá tính khả thi của văn bản quy định chi tiết.
5. Đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật.
6. Đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật.
7. Tiếp nhận và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật.

Chương II NỘI DUNG, HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 5. Phối hợp xây dựng Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Hàng năm, căn cứ nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán Ngân sách nhà nước, chỉ đạo của Bộ Tư pháp, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh và tình hình thực tế của địa phương, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật đảm bảo đồng bộ với trọng tâm trong lĩnh vực kiểm soát thủ tục hành chính và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

2. Căn cứ vào Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là UBND cấp xã) xây dựng và ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị mình, bảo đảm sự phù hợp trong phạm vi quản lý của địa phương và lĩnh vực được phân công.

Điều 6. Phối hợp trong việc xem xét, đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp:

a) Lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Thường trực HĐND quyết định danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

b) Lập và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

2. Cơ quan được giao chủ trì tham mưu giúp UBND tỉnh ban hành văn bản quy định chi tiết hoặc trình UBND tỉnh xem xét để trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết theo đúng tiến độ được phê duyệt và bảo đảm đúng trình tự thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Sở Tư pháp căn cứ các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều này, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu giúp UBND tỉnh:

a) Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc rà soát, lập dự kiến danh mục, việc ban hành kế hoạch xây dựng văn bản quy định chi tiết do HĐND, UBND ban hành.

b) Đánh giá tính đầy đủ của văn bản quy định chi tiết so với số nội dung được giao quy định chi tiết tại văn bản được quy định chi tiết.

c) Đánh giá tiến độ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết trên cơ sở so sánh với thời điểm dự kiến cần phải ban hành theo kế hoạch.

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh được giao chủ trì tham mưu soạn thảo và thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ xây dựng văn bản quy định chi tiết.

đ) Định kỳ hằng quý báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ Tư pháp về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

Điều 7. Phối hợp trong việc xem xét, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết

1. Tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết được đánh giá trên cơ sở xem xét các nội dung cơ bản sau đây:

a) Văn bản quy định chi tiết không trái, mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản được quy định chi tiết.

b) Văn bản quy định chi tiết không trái, mâu thuẫn, chồng chéo với các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn.

c) Nội dung các điều, khoản, điểm được quy định trong văn bản quy định chi tiết không trái, mâu thuẫn, chồng chéo nhau.

d) Văn bản quy định chi tiết không trái, mâu thuẫn, chồng chéo với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan ban hành văn bản quy định chi tiết đã ban hành.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều này và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, các sở, ban, ngành, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; kiến nghị hình thức xử lý, gửi về Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã (sau đây gọi chung là cơ quan tư pháp) để tổng hợp.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan tư pháp có trách nhiệm tổng hợp báo cáo UBND cùng cấp xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 8. Phối hợp trong việc xem xét, đánh giá tính khả thi của văn bản quy định chi tiết

1. Nội dung đánh giá tính khả thi, nguồn thông tin cơ bản để đánh giá về tính khả thi của văn bản quy định chi tiết theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014.

2. Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, phối hợp với cơ quan tư pháp đánh giá tính khả thi của văn bản trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Các sở, ban, ngành, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, đánh giá nguyên nhân, kiến nghị hình thức xử lý, gửi về cơ quan tư pháp để tổng hợp.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan tư pháp có trách nhiệm phân tích, xem xét, tổng hợp các nguồn thông tin quy định tại Khoản 2 Điều này, lập danh mục các văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, báo cáo UBND cùng cấp xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 9. Phối hợp trong việc xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có trách nhiệm:

a) Xác định sự cần thiết phải tập huấn, phổ biến pháp luật đối với từng lĩnh vực và đối tượng cụ thể, đối chiếu với các hoạt động, nội dung, hình thức, đối tượng tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện; đánh giá tính đầy đủ, kịp thời, phù hợp của chương trình tập huấn, phổ biến pháp luật hiệu quả của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật đến ý thức tuân thủ và mức độ nâng cao nhận thức pháp luật của các cơ quan, tổ chức, công dân; kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tập huấn pháp luật, gửi Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức phụ trách về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Sở Tư pháp tham mưu cho UBND tỉnh, Phòng Tư pháp tham mưu cho UBND cấp huyện nghiên cứu, biên soạn tài liệu hoặc thu thập, tổng hợp các tài liệu đã phát hành phục vụ công tác phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật đảm bảo về nội dung, phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

3. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn, UBND cấp huyện xác định nhu cầu kinh phí, trang thiết bị cơ sở vật chất; đánh giá mức độ của việc bảo đảm; kiến nghị việc bảo đảm kinh phí, trang thiết bị cơ sở vật chất gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh quyết định.

4. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và UBND cấp huyện tham mưu cho UBND tỉnh trong việc kiện toàn tổ chức, bố trí nhân sự thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 10. Phối hợp trong việc xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật

Các sở, ban, ngành, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã có trách nhiệm:

1. Khi phát hiện các quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật chưa được cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền thi hành kịp thời, đầy đủ, hướng dẫn chưa chính xác, thiếu thống nhất hoặc thể thức và nội dung trái pháp luật; các quyết định áp dụng pháp luật do cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền ban hành có vi phạm về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, không bảo đảm tính chính xác; các vi phạm pháp luật trong từng lĩnh vực cụ thể phải kịp thời kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét chỉ đạo thực hiện, đồng thời gửi cơ quan tư pháp theo dõi, tổng hợp.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan tư pháp có trách nhiệm phân tích, xem xét, tổng hợp các kiến nghị, báo cáo UBND cùng cấp xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 11. Phối hợp trong việc tiếp nhận và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

Cơ quan tư pháp chủ trì, phối hợp cùng các sở, ban, ngành, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, công chức tư pháp- hộ tịch thuộc UBND cấp xã có trách nhiệm:

1. Giúp UBND cùng cấp thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp.

Các thông tin phải được kiểm tra, đối chiếu trước khi sử dụng để đánh giá tình hình thi hành pháp luật.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kiến nghị, có trách nhiệm phân tích, tổng hợp thông tin thu thập được, tham mưu UBND cùng cấp xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III
PHỐI HỢP VÀ HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA CỦA
CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG
THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 12. Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Căn cứ yêu cầu cụ thể của từng hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật, UBND tỉnh đề nghị các cơ quan, tổ chức phối hợp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung được quy định tại Điều 18 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư số 14/2014/TT-BTP như sau:

1. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên cung cấp thông tin, kiến nghị của nhân dân thông qua hoạt động giám sát tình hình thi hành pháp luật, tiếp công dân và tiếp xúc cử tri.

3. Hội luật gia, Đoàn luật sư tỉnh cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật.

4. Các hội nghề nghiệp cung cấp ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà

nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề có liên quan khác.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật.

6. Sở Tư pháp là cơ quan tham mưu, giúp UBND tỉnh theo dõi, tổng hợp thông tin, kiến nghị và ý kiến phản ánh về tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Các hình thức tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật của tổ chức, cá nhân

Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội khác và cá nhân tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật thông qua các hình thức được quy định tại Điều 12 Thông tư số 14/2014/TT-BTP như sau:

1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức xã hội khác gửi văn bản hoặc thông qua chuyên mục tình hình thi hành pháp luật trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử phản ánh ý kiến của mình, của các thành viên về tình hình thi hành pháp luật, kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Cá nhân trực tiếp đến Phòng tiếp công dân của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; gửi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để phản ánh, cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật.

Điều 14. Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Cộng tác viên được huy động để tham gia hoạt động thu thập, tổng hợp thông tin; điều tra, khảo sát; tham gia ý kiến về xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, người đứng đầu cơ quan tư pháp tham mưu giúp UBND cùng cấp huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân am hiểu chuyên môn về ngành, lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo chế độ hợp đồng có thời hạn hoặc theo từng vụ việc cụ thể.

Điều 15. Bảo đảm sự tham gia của tổ chức, cá nhân, cộng tác viên trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Ủy ban nhân dân các cấp tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung như sau:

1. Chỉ đạo cơ quan tư pháp chủ trì, làm đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật do tổ chức, cá nhân phản ánh; duy trì chuyên mục về tình hình thi hành pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

2. Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho tổ chức, cá nhân thực hiện cơ chế cộng tác viên và sự tham gia của cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật; khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Trách nhiệm phối hợp của các cấp, các ngành

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Chủ trì tổ chức thực hiện Quy định này; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hoặc đề xuất nội dung phối hợp liên ngành trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy định này hàng năm.

c) Đánh giá kết quả việc thực hiện Quy định, đề xuất và đưa ra những giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành:

a) Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định pháp luật và Kế hoạch của UBND tỉnh.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung trong Quy định này.

c) Thực hiện chế độ báo cáo thống kê về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31/8/2015 của Bộ Tư pháp quy định về chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật.

3. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã:

a) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hàng năm theo phạm vi quản lý về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định của pháp luật và các nội dung trong Quy định này.

Điều 17. Kinh phí thực hiện

Kinh phí đảm bảo cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và thực hiện Quy định này của cơ quan, đơn vị được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Kế toán năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tư pháp để kịp thời trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Vũ Chí Giang